



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 38723

VEWL.#: 44642

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Ngoc Dam
Last Middle First

Current Address: 81 Tran Quoc Thuan, P1, Go vap, HCM

Date of Birth: 12/24/1935 Place of Birth: Bien Hoa

Previous Occupation (before 1975) 1st Sergeant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/00/75 To 09/77
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Mr. Le van Son
Name
Tulsa, OK 74134
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: MR. LE NGOC DAM
81 Tran Quoc Tuan
F 1, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh
Vietnam.

Chị
bà

46
172.00

PARAVION

BIÊN THẠNH
22 5 89

VIETNAM
9999 đ
CHINH
86

JUN 05 1989

TO: MRS. THO MINH
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

-USA-

PARAVION

30

39



7201 đ
NAM



LÊ NGỌC ĐẠM LÊ NGỌC ĐẠM
Born: 24-12-1935 Born: 24-Dec-1935
IV No: 38723 IV#: 38723
Address: Address:
81 Trần quốc Tuấn 81 Trần quốc Tuấn
F1, Quận Gò Vấp F1, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh
Vietnam Vietnam.

LÊ MINH PHỤNG LÊ MINH PHỤNG
Born: 20 Aug 1948 Born: 20 Aug-1948
IV No: 38723 IV No: 38723
Address: Address:
81 Trần quốc Tuấn 81 Trần quốc Tuấn
F1, Quận Gò Vấp F1, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh
Vietnam Vietnam

LÊ PHƯƠNG THỦY Lê Phương Thủy
Born: 26-12-1970 Born: 26-12-1970
IV No 38723 IV No: 38723
Address: Address:
81 Trần quốc Tuấn 81 Trần quốc Tuấn
F1, Quận Gò Vấp F1, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh
Vietnam Vietnam

T.P. Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 04 năm 1989.
Kính gửi: Bà Giám đốc

Thưa Bà,

Tôi và gia đình tôi rất vui mừng khi nhận được thư của Bà đề ngày 30-04-1989 với những lời khuyên khích đầy cảm động.

Chúng tôi nguyên sẽ không bao giờ quên những công việc mà Bà và quý vị ân nhân trong Hội đã hết lòng tận tụy lo toan hầu giúp đỡ cho những người làm cảnh như chúng tôi sớm được toàn nguyện.

Gia đình chúng tôi gồm hai vợ chồng và một con gái. Chúng tôi đã đăng ký xin xuất cảnh đi định cư sang HK tại Chánh quyền địa phương, theo diện những người học tập cải tạo và cựu nhân viên làm việc cho Quân đội Mỹ, có giấy hứa nhập cảnh (Lời) của ODP. - Hồ sơ của chúng tôi ở ODP Bangkok mang số IV: 38723 và số VEWL là: 44642. Tổ Lôi cấp ngày 29-jun 1988.

Nửa qua, tháng 3/89, ODP Bangkok lại gửi thêm cho tôi 1 tổ Lôi nữa, cũng ban chuẩn và y vấn như tổ trước, nên tôi rất an tâm về phía nước nhận. Tuy vậy, chúng tôi còn phải mong đợi những nỗ lực nhân đạo nhằm giải quyết mau chóng tình trạng chờ đợi mỗi môn của chúng tôi, nhất là về phía Chánh phủ HK.

Chúng tôi có người bạn đứng tên bảo lãnh tên tổ MSSC (đính kèm) Nếu quý Hội có yêu cầu phối hợp với người bạn bảo lãnh tôi, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ này: MR. LÊ VĂN SƠN -
Tulsa, OK 74134-USA.

Ngoài ra, một trong nhiều đơn vị cũ mà tôi phục vụ nhiều năm từ 1966 đến 1971 là Sư đoàn 25 BB Hoa Kỳ (The US 25th Infantry Division. APO. SF. 96225. Situated in Hawaii State).

Tôi tin chắc quý Hội sẽ có cơ hội giúp đỡ chúng tôi được nhiều hơn trong tương lai nếu quý Hội nhìn chút thì giờ liên hệ với The personnel Records Office (GR) của Sư đoàn để có sự phối hợp giúp đỡ qua Background của chúng tôi. (Tham điều Huy Chứng HK.)

Theo qui định, cấp HSA không tập trung cải tạo. Trường hợp của tôi rất bi đát. Ngay từ đầu, tôi bị bắt vì làm việc nhiều năm với Quân đội HK - Không tin là HSA, nên phải tập trung cải tạo dài hạn gần 3 năm.

Hiện tại gia đình tôi chưa có Hồ khẩu. Chỉ được cấp Giấy Kiểm tra tạm trú (đính kèm). Do vậy, chúng tôi ước mong Bà và quý Hội thấy rõ và lượng được những bức xúc cũng như những ước nguyện của chúng tôi hầu giúp đỡ chúng tôi với sự quan tâm đặc biệt...

Trong tương lai gần, chúng tôi mong chờ nhận được tin vui của Bà và quý Hội mang đến. Chắc chắn đó là niềm vui lớn nhất đối với chúng tôi. Bởi ra, nếu được may mắn, chúng tôi được xét cấp xuất cảnh bất cứ lúc nào thì chúng tôi sẽ báo tin ngay cho Bà và quý Hội biết để giúp đỡ chúng tôi sớm được ra đi. Và nếu có thể xin Bà vui lòng báo tin đã nhận thư này với đầy đủ họ tên để chúng tôi được an lòng.

- Xin Bà nhận nhĩ đây những tấm lòng biết ơn và tin tưởng.
Thỉnh chúc Bà và quý vị ân nhân tổng Hội luôn khỏe mạnh
như Hạnh phúc và thành công lớn trong mọi nỗ lực Nhân đạo của mình.

Thỉnh mến,
Mau
LÊ NGỌC ĐAM

HỒ SƠ ĐỒ TỤC ĐỊNH KEM
của 03 người gồm:

- 1 tờ Lôi
- 1 Huy chương (General Orders Number: 1839 Dated 26 April 1971)
(THE ARMY COMMENDATION MEDAL)
- 1 Giấy ra thai và 06 Ảnh (mỗi người 02).
- 1 Giấy kiểm tra tam tử (Chưa cấp hồ khẩu).
- 1 Giấy khai sinh (mỗi người 01)
- 1 Giấy Hôn Thê và 1 Giấy Báo cấp USCC của bạn.

GIA ĐÌNH GỒM 03 NGƯỜI:

1. LÊ NGỌC ĐAM BORN 24-Dec. 1935
2. LÊ MINH PHUNG BORN 20-Aug 1948 (Wife)
3. LÊ PHƯƠNG THỦY BORN 26-Dec-1970 (Daughter)

Địa chỉ hiện tại:

0. LÊ NGỌC ĐAM

81 - TRẦN QUỐC TUẤN
Fường 1, Quận Gò Vấp
TP. HO CHI MINH

VIETNAM

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 29, 1988

TO WHOM IT MAY CONCERN:

LE NGOC DAM	BORN	24 DEC 35	(IV	38723)
LE MINH PHUNG	BORN	1940	WIFE	
LE TRAN PHONG	BORN	1966	UNMARRIED SON	
LE PHUONG THUY	BORN	25 DEC 70	UNMARRIED DAUGHTER	

ADDRESS IN VIETNAM: 91 TRAN QUOC TUAN
GO VAP
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 44642

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIEH HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CUA CHUONG TRINH PA GI CO THAT TU CUA HOA KY. CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM CUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHII TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTERING LIST.

SINCERELY


Consular Service of the U.S. of America
BANGKOK, THAILAND

BRUCE A. BEARDSLEY
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

ODP-I
11/87

9337127

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 1850

26 April 1971

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL

1. TC 459. The following AWARDS are announced.

Awarded: Army Commendation Medal
Dates of service: As indicated
Theater: Republic of Vietnam
Authority: By direction of the Secretary of the Army under the
provisions of AR 672-5-1
Reason: For meritorious service

[REDACTED] SGT ARVN
Dates of service: May 1968 to October 1970

[REDACTED] MAJ CE ARVN
Dates of service: December 1969 to November 1970

[REDACTED] SGT ARVN
Dates of service: June 1968 to October 1970

[REDACTED] CPT ARVN
Dates of service: September 1970 to March 1971

[REDACTED] SFC ARVN
Dates of service: October 1967 to February 1971

* DAM, LE NGOC 55/100038 SFC ARVN
Dates of service: February 1966 to April 1971

[REDACTED] LTC ARVN
Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] LTC ARVN
Dates of service: March 1970 to March 1971

[REDACTED] MAJ INF ARVN
Dates of service: February 1970 to January 1971

[REDACTED] ASP ARVN
Dates of service: May 1970 to May 1971

[REDACTED] SGT ARVN
Dates of service: May 1968 to October 1970

[REDACTED] CPL ARVN
Dates of service: June 1968 to January 1971

GO 1839, HQ USMACV, dated 26 April 1971 (Cont)

[REDACTED] SGT ARVN
Dates of service: July 1968 to August 1970

[REDACTED] SFC ARVN
Dates of service: February 1966 to April 1971

[REDACTED] CFC ARVN
Dates of service: May 1970 to April 1971

[REDACTED] CPT ARVN
Dates of service: September 1970 to March 1971

[REDACTED] CPT INF ARVN
Dates of service: July 1964 to March 1971

[REDACTED] PF CDR ARVN
Dates of service: December 1969 to December 1970

[REDACTED] 2LT INF ARVN
Dates of service: March 1970 to March 1971

[REDACTED] CPT INF ARVN
Dates of service: August 1968 to November 1970

[REDACTED] CPT INF ARVN
Dates of service: September 1969 to March 1971

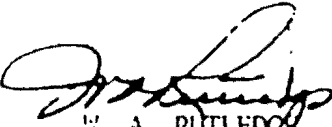
[REDACTED] LTC INF ARVN
Dates of service: June 1970 to April 1971

[REDACTED] CPT ARVN
Dates of service: September 1969 to January 1971

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

W. G. DOLVIN
Major General, USA
Chief of Staff


W. A. RUTLEDGE
Colonel, USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special

UBND CM TỈNH ĐỒNG NAI

TY CÔNG AN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

Độc lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Thống Nhất

Số: 190/QĐ-2

Tỉnh Đồng Nai, ngày 02 tháng 09 năm 1977

Căn cứ vào điều 9 của bản tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam về chính sách đối với vùng mới giải phóng.

Căn cứ vào bản công bố chính sách đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính và nhân viên trong bộ máy chính quyền Sài Gòn cũ.

Theo đề nghị của Ban phụ trách trại quân huấn và Hội Đồng xét duyệt Ty Công An Đồng-Nai.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Cho Lê-Ngọc-Dan Sinh: 1935
Quê quán Biên-Hòa
Trú quán 62/12 Khóm 8 Phường Quyết Thắng, Biên-Hòa.
Dân tộc Kinh
Chức vụ cũ Trung-Sĩ I ngự, khai man lý lịch (xét thái độ)
Được trở về sum họp với gia đình và hưởng mọi quyền công dân. CT có tiền bộ

ĐIỀU 2: Khi về, đương sự phải trình quyết định này với Ủy ban nhân dân Cách mạng, Ban Công An nơi mình cư trú và phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi luật lệ hiện hành.

ĐIỀU 3: Ban phụ trách trại quân huấn Ty C.A Đồng-Nai thi hành quyết định này.

RM. UBND CM tỉnh Đồng Nai

Trưởng Ty Công An

Số: 200/77

CHỖ ĐÓNG CHẤM

XUẤT BẢN



U. tháng 10 năm 77

Phường 1

TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRAM

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý :

- 1— Giấy kiểm tra này dành cho những hộ người Cư trú  không hợp pháp.
- 2— Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
- 3— Khi muốn chuyển đi đâu phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
- 4— Không cho người khác mượn giấy này.
- 5— Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc



GIẤY KIỂM TRA

NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: 71/60 /KT

Họ và tên chủ hộ: LÊ NGỌC ĐAM

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà: 81

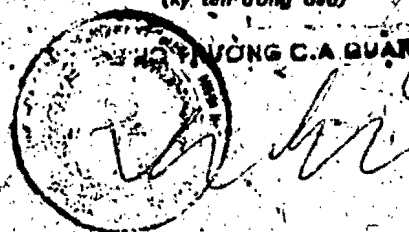
Đường phố (đp): T. Q. T. Phường (xa): 01

Quận (huyện): Q. 5 Văn

Ngày 10 tháng 09 năm 1986

TRƯỞNG CÔNG AN

(ký tên đóng dấu)



Thiếu Tá: Nguyễn Văn Tâm

NHỮNG NGƯỜI TRONG HỌ

[illegible]



To: Hazel Leitch

DATE: June 10, 1987

Diocese: Tulsa, OK

Subject: Request for IV number

Name of P.A.	Le Ngoc Dam	DOB:	24 Dec35 IV	38723
Accompanying Family Member	Le Minh Phung	DOB:	0048	
	Le Tran Phong	DOB:	0066	
	Le Phuong Thuy	DOB:	26Dec70	
	Huynh Thi Tham	DOB:	0011	

Date AOR forwarded to Bangkok _____

Sponsor's Name Le Van Son

Address _____, Tulsa, OK 74134

Relationship to PA Friend

Immigration Status _____

Response:

Sponsor on ODP File ☒ Same as above ☐ Other _____
Name

City State

In answer to your request, according to our records, the Orderly Departure Office has assigned the above IV reference number to the Principal Applicant in Vietnam:

Issuance of an IV reference number indicates that the file has been registered and entered into the computer in Bangkok.

Please notify the ODP Office directly of any change of address for the relative in Vietnam or the sponsor in the U. S.

If the sponsor is requested to send documents to the Orderly Departure Office, please indicate the IV reference number on all documents.

From: *Geraldine Owens*
Date:

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viet-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viet-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SỞ-THẨM BIÊN-HÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Trảng-Bôm
(Extrait du registre des actes de naissance)

Biên-Hòa (NAM-PHẦN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1935
(Année)

SỐ HIỆU 145
(Acte N°)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénom l'enfant)	LÊ NGỌC DẠM
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 24 décembre 1935
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Trảng Bôm- Biên Hòa
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Lê Viết Tuấn (S/Tr Jeanton Claude)
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Docteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Plantation Michelin
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Huỳnh Thị Tống
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Lung Hùng - Sa Đéc
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Chánh

Chúng tôi Nguyễn-Văn-Thọ
(Nous)
được Chánh-án Tòa S. Thẩm Biên-Hòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Bùi-Quang-Đầu
(M)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại
(Croûtre en Chef du Tribunal)

Biên-Hòa, ngày 15 - 10 - 1959

Trích y bản chánh
(Pour extrait con grise)

Biên-Hòa, ngày 15 - 10 - 1959

CHANH LUC-SU
(LE GREFFIER EN CHEF)



Bùi-Quang-Đầu

Giá tiền 5000 (Coi)

Biên lai số (Quittance N°)

Số
CHỨNG NHẬN
Xuất trình

Ngày 6 tháng 10 năm 1959



Nguyễn Văn Thọ

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

BIÊN-HÒA

QUẬN: ĐỨC-TU

XÃ: BÌNH-TRƯỚC

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Số hiệu: 42

Tên, họ người chồng LÊ NGỌC ĐAM

Nghề nghiệp Quân nhân

Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1935

Tại Trảng-Bôm, Biên-Hòa

Cư sở tại Long-Bình, Biên-Hòa

Tạm trú tại /

Tên, họ cha chồng Lê Viết Tuấn (chết)

Sống chết phải nói

Tên, họ mẹ chồng Huỳnh Thị Tống (sống)

Sống chết phải nói

Tên, họ người vợ LÊ MINH PHỤNG

Nghề nghiệp thợ uốn tóc

Sinh ngày 20 tháng 8 năm 1948

Tại Long-Thạnh, Phụng-Hiệp, Phong-Dinh

Cư sở tại Bình-Trước, Biên-Hòa

Tạm trú tại /

Tên, họ cha vợ Lê Văn Đống (sống)

Sống chết phải nói

Tên, họ mẹ vợ Lê Thị Kiêm (chết)

Sống chết phải nói

— Ngày cưới Ngày 01 tháng 6 đ.l. năm 1969

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /

ngày / tháng / năm /

Tại /

CHỨNG

Xuất bản

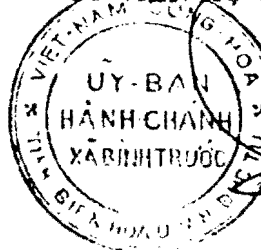
Ngày

BÌNH-TRƯỚC

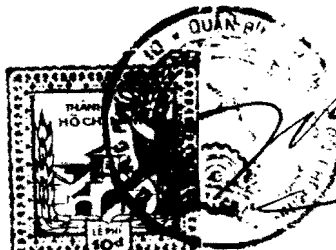
Trích y bản chính

ngày 07 tháng 4 năm 1971

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



NGUYỄN-VĂN-CHƯỚC



Huỳnh Hồng Phước

ICVTS 4360BNV/HQ 29/04/71 38/71

MIỄN THỊ THÚC

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Long-Thạnh, Phụng-Hiệp
(Extrait du registre des actes de naissance)

Phong-Dinh (NAM-PHẦN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1948
(Année)

SỐ HIỆU 124
(Acte N°)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénom l'enfant)	LÊ MINH PHỤNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 20 tháng 8 năm 1948
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Long-Thạnh, Phụng-Hiệp, Phong-Dinh
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	LÊ VĂN ĐỒNG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Thạnh, Phụng-Hiệp, Phong-Dinh
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	LÊ THỊ KIÊM
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Thạnh, Phụng-Hiệp, Phong-Dinh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de l'emme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi Nguyễn-Dức-Quý
(Nous) HGRQ Phong-Dinh
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phan-văn-Bộ
(M)

Chánh-Lục-sư Tòa-án sở tại
(Greffe en Chef du Tribunal)

PHONG-DINH ngày 12 - 4 - 1962

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

PHONG-DINH ngày 12 - 4 - 1962

CHÁNH-LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giấy tiền 2850
(Cout)

Phân lại số 1142
(Répartition n°)

CHỨNG NH

Suất trình

Ngày



Nguyễn-Dức-Quý

Tên họ ấu nhi : LÊ PHƯƠNG THỦY
 Giới : NỮ
 Sinh : Ngày hai mươi sáu tháng mười hai
 (Ngày tháng năm) dương lịch, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
 Tại : Bảo sanh Minh-Đức Biên-Hòa
 Cha : LÊ NGỌC ĐẠM
 (Tên họ)
 Tuổi : Ba mươi lăm tuổi
 Nghề-nghiep : Quân nhân
 Cư-trú tại : Bình Trước Biên hòa
 Mẹ : LÊ MINH PHỤNG
 (Tên họ)
 Tuổi : Hai mươi hai tuổi
 Nghề-nghiep : Thợ uốn tóc
 Cư-trú tại : Bình Trước Biên hòa
 Vợ : Chánh
 (Chánh hay thứ)
 Người khai : LÊ NGỌC ĐẠM
 (Tên họ)
 Tuổi : Ba mươi lăm tuổi
 Nghề-nghiep : Quân nhân
 Cư-trú tại : Bình trước Biên hòa
 Ngày khai : Ba mươi một tháng mười hai năm một
ngàn chín trăm bảy mươi
 Người chứng thứ nhất : PHẠM THỊ THU CỨ
 (Tên họ)
 Tuổi : Hai mươi chín tuổi
 Nghề-nghiep : Uốn tóc
 Cư-trú tại : Bình trước Biên hòa
 Người chứng thứ nhì : TRẦN THỊ NGỌC
 (Tên họ)
 Tuổi : Hai mươi một tuổi
 Nghề-nghiep : Uốn tóc
 Cư-trú tại : Bình trước Biên hòa

CHƯƠNG TRÌNH
 Xuất trình

Ngày

UBND

Thị trấn Bình Trước

Làm tại Bình Trước, ngày 31 tháng 12 năm 19 70

TRÍCH Y TRONG BỘ

BÌNH-TRƯỚC, ngày 15/4/1971

ỦY VIÊN HỒ TỊCH

Người khai

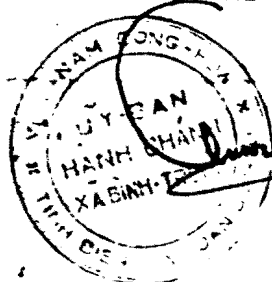
LÊ NGỌC ĐẠM

Hộ lai

NGUYỄN VĂN CHƯỚC

Nhân chứng

1) PHẠM THỊ THU CỨ
 2) TRẦN THỊ NGỌC



NGUYỄN VĂN CHƯỚC

TC.VTS/4366 BNV/HC 29 ngày 3-4-1970

MIỄN THỊ THỰC

C O N T R O L

 Card
 X Doc. Request; Form 07/19/89
 Release Order
 Computer
 Form "D"
 QDP/Date _____
 Membership; Letter



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 38723

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE NGOC DAI
Last Middle First

Current Address: 81 Trần Quốc Tuấn Q. Gò Vấp TP HCM -

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

The list of the political prisoners and US personnel in Vietnam, they have been LOI by ODP. But the Vietnamese authority delay. Would you please consider to intercede with the Vietnamese authority for them leave from Vietnam.

1. VU VAN ANH, IV69718, 45/36 Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
2. THAI VAN A, IV89582, 308/19 Cach Mang 8, quận 3, Hochiminh City.
3. NGUYEN VAN BINH, IV127221, 98/3 Cach Mang 8, Quận Tân Bình, Hochiminh City
4. HA TUONG CAT, IV.057490, 26/62 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1 Hochiminh City
5. PHAN VAN CUY, IV47947, 20/E, 117 Đường 3/2, Quận 10, Hochiminh City
6. DINH HOP, IV 50267, 355/11 Nguyen Minh Chiêu, phường 11, Tân Bình HCM. City
7. VU MANH HUNG, IV036575, 650/21, Dien Bien Phu, Quận 10, Hochiminh City.
8. LUONG THI HANG, IV555917, 8 Thai Van Lang, Quận 1, Hochiminh City.
9. TRAN CONG HIEN, IV68843, 220/IOA Hoang Dao, Quận 3, Hochiminh City.
10. LAM VAN HAO, IV75381, 64 Cao Thang, Quan 3, Hochiminh City.
11. LAM ĐỨC HIỆT, IV45146, 77 Lê Văn Sĩ, phường 13, Phú Nhuận, Hochiminh City
12. NGUYỄN PHUC HUNG, IV66980, 131/4, Thích quang Đức, Phu Nhuận, Hochiminh City
13. PHAM VAN KHUE, IV083603, 233/29A Nguyễn Trãi, P.15, Q.1 TP.Hochiminh
14. VU VAN MINH, IV50735, 45/36, Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
15. HUYNH BA PHUOC, IV86358, 80/32A, Tran quang Dieu, Quan 3, Hochiminh City.
16. NGUYEN QUANG PHUNG, IV217179, 41/8, Tổ 9, phường 12, Go Vấp Hochiminh City
17. NONG AN PANG, IV 78298, J3, Cư xá Tô Hiến Thanh, Quận 10, Hochiminh City
18. VU VAN QUANG, IV37432, 179/33 Mai Văn Ngọc, quận Phu Nhuận, Hochiminh City
19. HA NGOC PHU, IV94169, 48/3, khóm 3, Phường 2, Sadéc. Tỉnh Đồng Tháp, Vietnam
20. NGUYEN TRONG PHUOC, IV53609, 83 Ky Con, Quận 1, Hochiminh City.
21. NGUYEN QUANG THIEU, IV54918, 453/55, Nguyen van Troi, Quận 3, Hochiminh City
22. PHAN VAN TRICH, IV70922, 483/7 Lê Van Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
23. NGUYEN MANH TONG, IV84132, 22/13, Phường 3, Quận Tân Bình, Hochiminh City.
24. LE VAN TAN, IV115732, 102/26A, Ho Biểu Chánh, Phú Nhuận, Hochiminh City.
25. TRAN NGOC UYEN, IV210095, 278 Hoa Hưng, Quận 10, Hochiminh City.
26. NGUYEN HUY HOANG, IV228698, 59/9 Nguyen Binh Khiem, Quận 1, Hochiminh City
27. NGUYEN THI THOA, IV204254, 232 Cach Mang 8, Phường 5, Tân Bình, Hochiminh City
28. LE VAN THANH, IV215932, 60/147G Tuệ Tĩnh, phường 13, Quận 11, Hochiminh City
29. PHAM KHAC HLEN, IV202814, 107/1 ấp Bau Nai, Dong Hưng Thuận, Hocmon, HCM City
30. PHAM HUU QUYNH, IV37281, 183C/10E, Ton That Thuyet, Phường 4, Quận 4, HCM City
31. VU KIM TOAN, IV122371, 52 Duy Tân, Quận 3, Hochiminh City.
32. NGUYEN BANG DZUC, IV046945, 18/12B, Thích Quang Đức, Phu Nhuận, HCM City
33. VU KHAC NHUONG, IV72675, 331/4.C Le Van Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
34. DAO NHUONG, IV538997, 148 Ba Hat, Fuong 9, quan 10. Hochiminh City.

Representative Association Vietnamese
former political prisoners.

The second list of the political prisoner
in Vietnam. They have the letter of introduction of ODP.
Would you please consider to intercede with the Vietnamese
authority for them leave from Vietnam as soon as possible.

- 35 NGUYEN BA VAN, IV5I4349, 22/20 cư xá Lữ Gia, P.15, Quận 11, Hochiminh City
- 36 VO HONG DIEP, IV 235706, 65 Tran quang Diêu, Quận 3, Hochiminh City.
- 37 VU DANG THANG, IV5I5082, 650/21 Dien Bien Phu, P.I4. Quận 10, Hochiminh City
- 38 VU THE CAN, IV 5I446I6, 650/2I, Dien Bien Phu, P.I4. Quận 10, Hochiminh City
- 39 NGUYEN THI LE, IV56I02, 65/17, Ấp 1, Xã Long thành Mỹ, Thủ Đức, HCM.City
40. TRAN VAN THUA, IV113283, 16/3B, Tổ 4, Ấp Đình, Xã An Khanh, Thủ Đức HCMCity
41. HOANG NGOC LIEN, IV211925, 166 Cách mạng tháng 8, P.12, Tân Bình, HCMCity.
42. NGUYEN THI LY, IV 59490, 489-A/23/129, Nguyen Huynh Đức, P.13, Phú Nhuận "
- 43 NGUYEN CAO DINH, IV-128428, 611/1E Dien Bien Phu, P.OI, Quan 3, HCM City
- 44 NGUYEN KIAC TU, IV-64I99. 4/47/70. F.7, Quận Tân Bình. TP. Hochiminh.
45. PHAN VAN CU, IV-219107, 29c Thu Khoa Huan, Phan Thiet, Thuận Hải, Vietnam.
46. LE NGOC DAM, IV-38723, 8I Tran Quoc Tuan, Quan Govap, Hochiminh City.
- 47 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Binh Thanh, Hochiminh City.
- 48 NGUYEN VAN HUAN, IV-54I26, 105 lo U, chung cư Ngo Gia Tư, P.12, Q.IO "
- 49 LE NGOC THANH, IV-127640, BB-6 cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Hochiminh City.
- 50 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Binh Thanh, HCM.City.
- 5I TA HOAN HY, IV-117054, 1120 Ap Tam Ha, Xa Tam Binh, Q.Thu-Duc, HCM City.
52. DOAN QUANG THANG, IV-116244, 8I Nguyen Chi Thanh, phường 5, Vinh Long, Cửu long

Redmond, January 27, 1989
Representative of the VN. former political prisoners

Khauquyen

Nguyen Kha

27-1-1989

Kính gửi Bà Khúc Minh Thảo
Chủ tịch Hội Gia đình TNCTVN.

Thưa Bà,

Như theo thư trước đây, tôi có gửi đến Hội một danh sách gồm những anh chị em tù nhân, trong đó chỉ có một gia đình (số 8) chị Tường Thi Hằng, là nhân viên làm cho USIS Cần Thơ. Trong danh sách này, anh chị em yêu cầu rằng xin cho họ biết họ có được ghi trong danh sách 11.000 tù nhân và 40.000 thân nhân của tù nhân đã được Hoa Kỳ gửi cho Hanoi vào tháng 8/1988?

Cũng theo danh sách này anh chị em đã được cấp 10Z do ODP. Có người đã được cấp từ vài năm nay!

Chúng tôi cũng mới đọc thư của Hội từ VNTP. rất cảm thông sâu sắc với Hội. Vì tôi thấy rằng chỉ có một số anh chị em liên lạc với chúng tôi, để chuyển đạt hồ sơ của họ, nhưng chỉ phải tìm thơ, photocopy... đã thấy nản giải. Phải chỉ tại Hội phải giải quyết cho 5, 6 ngàn hồ sơ!

Với thân phận một chim diên hựu, (sinh 1919) một vợ tù nhân đến nay 1982. Cũng không có nơi nào muốn làm việc. Tôi đánh chữ ít xin gửi đến quý Hội 410 để mua thêm thơ cho anh chị em tù nhân.

(Trong danh sách số 19, anh Hà Ngọc Phú đồng hương Sadee)

Xin ông Trần Châu phúc cho Bà và quý Hội đạt nhiều thành quả cứu giúp anh chị em tù nhân bên nhà sớm tìm lại tự do.

Trân trọng
Nguyễn Kha

Kính gửi 52 anh tù nhân + bị thức ăn -

Xin miễn tặng thư này trên báo.
Cảm ơn Bà

MARIA HIEP NGUYEN TRAN		352
PHONE		
REDMOND, WA 98052		1/27 1989 19-7117/3250
Pay to the order of	Hội Gia đình Tù nhân CTVN.	\$110.00
Ten no/100		Dollars
Overlake Park Branch Puget Sound Bank Puget Sound Savings Bank 15110 N.E. 24th Street Redmond, Washington 98052		
For	Nguyễn Kha	MW